

Bản án số: 71/2019/HS-PT
Ngày 17-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triền.

Các Thẩm phán:

+ Bà Phạm Thị Thanh Giang;

+ Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn V và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn T, Lê A đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn V, sinh năm 1983, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: Ấ V1, xã V2, huyện V3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông Nguyễn Đ, sinh năm 1953 và bà Đỗ M, sinh năm 1963; vợ: Nguyễn H, sinh năm 1990; con: có 01 người, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính lần nào và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: Ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông Nguyễn B, sinh năm 1963 và bà Nguyễn N, sinh năm 1952; vợ: Kim Y, sinh năm 1986; con có 01 người, sinh năm 2017; tiền sự: Không có; tiền án: Ngày 26-9-2008 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo T42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24-8-2011 nhưng chưa được xóa án tích; nhân thân: Ngày 26-12-2012, bị Chủ

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng, vì có hành vi đánh nhau và gây rối trật tự công cộng, ngày 30-8-2014 chấp hành xong; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Lê A, sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: Ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông Lê A1 (đã chết) và bà Trương A2, sinh năm 1954; vợ G A3, sinh năm 1990; con có 02 người, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 30-7-2004, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 04-02-2005 chấp hành án xong và đã được xóa án tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2018 đến ngày 14-10-2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn khác chờ xử lý; ngày 26-02-2019 bị bắt tạm giam cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Lê Q không có kháng cáo, kháng nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Tòa án không triệu tập

1. Ông Trần C, sinh năm 1965; cư trú tại: Phường C1, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn V, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp V1, xã V2, huyện V3, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 05-10-2018, tại khu vực ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh, Công an tỉnh Tây Ninh tuần tra phát hiện Nguyễn V điều khiển xe ô-tô, biển số 54X – 6148 chở Lê Q từ hướng xã K, huyện K1 đến xã D1, huyện D2, tỉnh Tây Ninh có dấu hiệu nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra.

Qua kiểm tra phát hiện V và Q chở 14.400 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu (gồm 9.000 bao nhãn hiệu JET, 4.200 bao nhãn hiệu SCOTT, 1.200 bao nhãn hiệu HERO), cùng lúc này Công an tỉnh Tây Ninh phát hiện Lê A điều khiển xe ô-tô, biển số 65A – 101.12 chở Nguyễn T chạy phía trước cảnh giới cho Nguyễn V và Nguyễn Q vận chuyển số thuốc lá trên nên cùng bắt quả tang, tạm giữ người và vật chứng. Vụ việc được chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh giải quyết theo thẩm quyền.

Qua điều tra, V, Q, A, T khai nhận: V, Q được Đỗ G, sinh năm 1985, ngụ ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Tây Ninh thuê vận chuyển thuốc lá nhập lậu từ huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ với tiền công V mỗi chuyến là 500.000 đồng và Q mỗi chuyến 200.000 đồng; đồng thời G thuê Phạm R, sinh năm 1977, ngụ ấp R1, xã R2, huyện R3, tỉnh Tây Ninh theo cảnh giới cho V và Q; R thuê lại Lê A với tiền công mỗi chuyến là

1.300.000 đồng; A rủ Nguyễn T cùng tham gia và A trả tiền công cho T mỗi chuyến 150.000 đồng, tất cả đồng ý.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04-10-2018, theo phân công của G, V điều khiển xe ô-tô, biển số 54X – 6148 chở Q đến khu vực ấp K2, xã K, huyện K1, tỉnh Tây Ninh gặp bốn người thanh niên (không rõ lai lịch) nhận số thuốc lá nêu trên vận chuyển về hướng xã D1, huyện D2 để về Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ. Theo phân công của R, A điều khiển xe ô-tô, biển số 65A – 101.12 chở Q đến khu vực xã D1, huyện D2, tỉnh Tây Ninh cảnh giới cho V và Q thì cùng bị bắt quả tang. Riêng G và R bỏ trốn. Khi đi cảnh giới A tự ý đem theo 01 khẩu súng ngắn có lắp đặt 01 hộp tiếp đạn, bên trong có 05 viên đạn.

Kết luận giám định số: 1392/KL-KTHS ngày 30-10-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Sô khung, số máy xe ô-tô, biển số 51X – 6148 không bị đục sửa; số khung, số máy xe ô-tô, biển số 65A – 101.12 không bị đục sửa.

Kết luận giám định số: 1393/KL-KTHS ngày 01-11-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Giấy đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định xe ô-tô, biển số 54X – 6148 là giấy thật; giấy phép lái xe mang tên Nguyễn V là giấy thật; giấy phép lái xe mang tên Lê Q là giấy thật.

Kết luận giám định số: 4159/C09B ngày 08-10-2018 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Khẩu súng ngắn nhãn hiệu WESTERNSIELD, MODEL: M822A 22 MAGNUM-WMR, MONTGOMERY WARD, MADE IN USA có lắp đặt 01 hộp tiếp đạn bên trong có 05 viên đạn và ống ngắm nhãn hiệu UTG: là súng tự chế không phải vũ khí quân dụng, 05 viên đạn là loại đạn thể thao.

Kết luận định giá tài sản số: 55/KLĐG ngày 28-11-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh kết luận: 01 xe ô-tô, biển số 65A – 101.12, trị giá 100.000.000 đồng; xe ô-tô, biển số 54X – 6148, có giá trị 80.000.000 đồng; 9.000 bao thuốc lá hiệu JET có giá trị 135.000.000 đồng; 4.200 bao thuốc lá hiệu SCOTT có giá trị 18.000.000 đồng; 1.200 bao thuốc lá hiệu HERO có giá trị 25.200.000 đồng.

Hành vi của Đỗ G và Phạm R Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã tách vụ án và ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được xử lý sau.

Hành vi của Lê A mang theo súng tự chế và đạn thể thao khi đi cảnh giới cho V, Q vận chuyển thuốc lá Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn V 06 (sáu) năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-10-2018.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn T 05

(năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-10-2018.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê A 05 (năm) năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26-02-2019, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2018 đến ngày 14-10-2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Quốc Q; các biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 18-4-2019, bị cáo Nguyễn V có đơn kháng cáo, nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân đang bị bệnh viêm gan, vợ đang mang thai hơn 7 tháng.

Ngày 23-4-2019, bị cáo Lê A có đơn kháng cáo, nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Mức hình phạt 5 năm là nặng; hoàn cảnh gia đình có mẹ già, hai con còn nhỏ sinh năm 2008 và 2013, là lao động chính trong gia đình; đã nhận ra khuyết điểm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngày 24-4-2019, bị cáo Nguyễn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nội dung, với lý do: Mức hình phạt 5 năm 6 tháng là nặng; hoàn cảnh gia đình có cha mẹ già, con còn nhỏ sinh năm 2017, là lao động chính trong gia đình; đã nhận ra khuyết điểm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn T, Lê A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn V, Nguyễn T, Lê A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn T, Lê A không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng:

+ Nguyễn V: Mong được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình làm lại cuộc đời.

+ Nguyễn T: Bị cáo có cậu ruột là liệt sĩ, mong được giảm nhẹ hình phạt.

+ Lê A: Bị cáo có thành tích trong việc giúp công an phá nhiều chuyên án ma túy, mong được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Ngày 04-10-2018, Nguyễn V, Lê Quốc Q, Lê A, Nguyễn T đã thực hiện theo sự bàn bạc, phân công vai trò của Đỗ G và Phạm R để vận chuyển 14.400 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (gồm 9.000 bao nhãn hiệu JET, 4.200 bao nhãn hiệu SCOTT, 1.200 bao nhãn hiệu HERO) tại xã K, huyện K1 về Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ; khi đến ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh thì bị phát hiện bắt giữ. Theo Kết luận định giá tài sản số: 55/KLDG ngày 28-11-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh kết luận: 9.000 bao thuốc lá hiệu JET có giá trị 135.000.000 đồng; 4.200 bao thuốc lá hiệu SCOTT có giá trị 18.000.000 đồng; 1.200 bao thuốc lá hiệu HERO có giá trị 25.200.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn T, Lê A về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất vụ án: Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã thực hiện hành vi vận chuyển thuê cho Đỗ G và Phạm R với số lượng 14.400 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại, từ huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến Thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ, nhằm thu lợi bất chính. Hành vi này đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội, nên cần nghiêm trị.

[4] Xét tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm và yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

4.1. Các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn T, Lê A đều là đồng phạm, giúp sức cho Đỗ G và Phạm R trong việc vận chuyển thuốc lá nhập lậu từ huyện Trảng Bàng đến Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ để hưởng tiền công; theo đó, bị cáo V là người trực tiếp vận chuyển, mỗi chuyến V được hưởng 500.000 đồng; T và A cũng giữ vai trò là người giúp sức, trực tiếp làm nhiệm vụ canh đường cho V; tiền công R trả cho A 1.300.000 đồng/chuyến, sau đó A rủ rê T cùng tham gia và A trả tiền công cho T 150.000 đồng/chuyến.

4.2. Đối với bị cáo T có nhân thân xấu: Ngày 26-12-2012, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng, vì đã có hành vi đánh nhau và gây rối trật tự công cộng, ngày 30-8-2014 chấp hành xong, đối chiếu Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính thì được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính và ngày 26-9-2008 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24-8-2011 nhưng chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm; bị cáo A cũng có nhân thân xấu: Ngày 30-7-2004, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 04-02-2005 chấp hành án xong và đã được xóa án.

4.3. Ngoài tình tiết về nhân thân kể trên, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét:

+ Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo V, Tuấn Anh, A phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T là người đã có 1 tiền án, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội mới, lần

phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo V, Tuấn Anh, A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo A có người thân là người có công với nước là liệt sĩ, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng 2, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.4. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn V 06 năm tù, Nguyễn T 05 năm 06 tháng tù, Lê A 05 năm tù là tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo gây ra.

4.5. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: Gia đình bị cáo Nguyễn V có nộp đơn xin xác nhận đề ngày 15-4-2019, nội dung thể hiện bà ngoại bị cáo tên Lê E được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhất và di ruột tên Đỗ E1 là thương binh 2/4; gia đình bị cáo Nguyễn T có nộp đơn xin xác nhận, giấy báo tử, giấy khen, giấy chia buồn của Quân khu 7, nội dung thể hiện bị cáo có cậu ruột tên Nguyễn E2 là liệt sĩ; ngày 05-6-2019, Phòng Cảnh sát điều tra về ma túy Công an tỉnh Tây Ninh có Công văn số: 498/PC04, nội dung xác nhận cho Lê A trong thời gian qua có thành tích đặc biệt trong việc giúp đơn vị triệt phá nhiều chuyên án mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm v khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét; từ đó có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ba bị cáo (trong đó có áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự riêng đối với bị cáo A).

[5] Tóm lại: Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn T, Lê A; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[8] Ngoài ra, khi viện dẫn điều luật, Tòa án cấp sơ thẩm không viện dẫn Điều 58 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót, cần bổ sung ở Tòa án cấp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn T, Lê A.

3. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn V 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-10-2018 .

5. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-10-2018.

6. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê A04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26-02-2019, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2018 đến ngày 14-10-2018.

7. Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn T, Lê Akhông phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS. huyện Bến Cầu;
- Công an huyện Bến Cầu;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Văn Triển